

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO**

Số: 3219 /UBND-VP
V/v triển khai thực hiện Thông tư số
343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12
năm 2016 của Bộ Tài chính.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mỹ Tho, ngày 22 tháng 5 năm 2017

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Mỹ Tho.

Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho nhận được Công văn số 2082/UBND-TH ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc triển khai thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách. Ủy ban nhân dân thành phố có ý kiến như sau:

Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố nghiên cứu, hướng dẫn các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện theo đúng nội dung Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính.

(Gửi kèm Công văn số 2082/UBND-TH ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang và Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)./.

Nơi nhận

- Như trên;
- Lưu: VT,Phuong.



Nguyễn Văn Hồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2082 /UBND-TC
V/v tổ chức thực hiện Thông
tư của Bộ Tài chính hướng
dẫn thực hiện công khai
ngân sách nhà nước đối với
các cấp ngân sách

Tiền Giang, ngày 12 tháng 5 năm 2017

Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị.

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách; Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Giao Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện các nội dung theo quy định của Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra việc thực hiện công khai ngân sách của cấp huyện; báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh có biện pháp xử lý kịp thời trong trường hợp phát hiện vi phạm./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP,
Phòng TC;
- Lưu: VT, (Luân).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 343/2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2016

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 59/2013/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật của ngành Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Ngân sách nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Thông tư này quy định chi tiết việc công khai các báo cáo dự toán, tình hình thực hiện và quyết toán ngân sách nhà nước, ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách huyện; chi tiết việc công khai ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã; chế độ báo cáo và kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện công khai ngân sách.

b) Phạm vi công khai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này không bao gồm số liệu và báo cáo thuyết minh thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dự trữ quốc gia.

c) Việc công khai ngân sách đối với các cơ quan đảng, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện theo hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Bộ Tài chính;

b) Ủy ban nhân dân các cấp;

c) Cơ quan tài chính các cấp;

d) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc công khai

1. Công khai đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin ngân sách theo các hình thức quy định tại Thông tư này.

2. Đảm bảo yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định.

Chương II CÔNG KHAI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

Điều 3. Nội dung công khai

1. Công khai chỉ tiêu, biểu mẫu, thuyết minh làm căn cứ trình Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương, gồm:

a) Công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương trình Quốc hội:

- Cân đối ngân sách nhà nước (*theo Biểu số 01/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này*)

- Cân đối nguồn thu, chi dự toán ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (*theo Biểu số 02/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này*)

- Dự toán thu ngân sách nhà nước theo lĩnh vực (*theo Biểu số 03/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này*)

- Dự toán thu ngân sách nhà nước theo sắc thuế (*theo Biểu số 04/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này*)

- Dự toán chi ngân sách nhà nước, chi ngân sách trung ương và chi ngân sách địa phương theo cơ cấu chi (*theo Biểu số 05/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này*)

- Dự toán chi ngân sách trung ương theo lĩnh vực (*theo Biểu số 06/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này*)

- Dự toán chi ngân sách trung ương cho từng bộ, cơ quan trung ương và các nhiệm vụ chi khác của ngân sách trung ương (theo Biểu số 07/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách trung ương cho từng bộ, cơ quan trung ương theo lĩnh vực (theo Biểu số 08/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi thường xuyên của ngân sách trung ương cho từng bộ, cơ quan trung ương theo lĩnh vực (theo Biểu số 09/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán thu, chi, cân đối ngân sách địa phương; tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia và số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương (theo Biểu số 10/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (theo Biểu số 11/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

b) Công khai thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương.

2. Công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương đã được Quốc hội quyết định:

- Cân đối ngân sách nhà nước (theo Biểu số 12/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Cân đối nguồn thu, chi dự toán ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (theo Biểu số 13/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán thu ngân sách nhà nước theo lĩnh vực (theo Biểu số 14/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán thu ngân sách nhà nước theo sắc thuế (theo Biểu số 15/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi ngân sách nhà nước, chi ngân sách trung ương và chi ngân sách địa phương theo cơ cấu chi (theo Biểu số 16/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi ngân sách trung ương theo lĩnh vực (theo Biểu số 17/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi ngân sách trung ương cho từng bộ, cơ quan trung ương và các nhiệm vụ chi khác của ngân sách trung ương (theo Biểu số 18/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách trung ương cho từng bộ, cơ quan trung ương theo lĩnh vực (theo Biểu số 19/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi thường xuyên của ngân sách trung ương cho từng bộ, cơ quan trung ương theo lĩnh vực (theo Biểu số 20/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán thu, chi, cân đối ngân sách địa phương; tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia và số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương (theo Biểu số 21/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (theo Biểu số 22/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

3. Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý (06 tháng, năm) đã được báo cáo Chính phủ, gồm:

a) Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý (06 tháng, năm):

- Cân đối ngân sách nhà nước quý (06 tháng, năm) (theo Biểu số 23/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Ước thực hiện thu ngân sách nhà nước quý (06 tháng, năm) (theo Biểu số 24/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Ước thực hiện chi ngân sách nhà nước quý (06 tháng, năm) (theo Biểu số 25/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

b) Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý (06 tháng, năm).

4. Công khai số liệu và thuyết minh quyết toán ngân sách nhà nước đã được Quốc hội phê chuẩn, gồm:

a) Công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước:

- Cân đối ngân sách nhà nước (theo Biểu số 26/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Quyết toán nguồn thu ngân sách nhà nước theo lĩnh vực (theo Biểu số 27/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Quyết toán thu ngân sách nhà nước theo sắc thuế (theo Biểu số 28/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Quyết toán chi ngân sách nhà nước, chi ngân sách trung ương và chi ngân sách địa phương theo cơ cấu chi (theo Biểu số 29/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Quyết toán chi ngân sách trung ương theo lĩnh vực (theo Biểu số 30/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Quyết toán chi ngân sách trung ương cho từng bộ, cơ quan trung ương và các nhiệm vụ chi khác của ngân sách trung ương (theo Biểu số 31/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Quyết toán chi bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương đối với từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (theo Biểu số 32/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

b) Công khai thuyết minh quyết toán ngân sách nhà nước.

Điều 4. Trách nhiệm công khai

Bộ Tài chính thực hiện công khai những nội dung quy định tại Điều 3 của Thông tư này.

Đối với các nội dung công khai quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 3, Bộ Tài chính ban hành Quyết định công bố công khai ngân sách nhà nước và các biểu mẫu theo quy định (theo Mẫu số 01/QĐ-CKNS ban hành kèm theo Thông tư này).

Điều 5. Hình thức công khai

Việc công khai các nội dung quy định tại Điều 3 được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 của Luật NSNN, trong đó có hình thức bắt buộc là công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính (www.mof.gov.vn).

Điều 6. Thời điểm công khai

1. Báo cáo dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội phải được công khai chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày Chính phủ gửi đại biểu Quốc hội.

2. Báo cáo dự toán ngân sách nhà nước đã được Quốc hội quyết định, quyết toán ngân sách nhà nước đã được Quốc hội phê chuẩn phải được công khai chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày văn bản được ban hành.

3. Báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hằng quý, 06 tháng phải được công khai chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng.

4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước hằng năm được công khai khi Chính phủ trình Quốc hội.

Chương III

CÔNG KHAI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

Điều 7. Nội dung công khai

1. Công khai chỉ tiêu, biểu mẫu, thuyết minh làm căn cứ trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh, gồm:

a) Công khai số liệu dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh:

- Cân đối ngân sách địa phương (theo Biểu số 33/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Cân đối nguồn thu, chi dự toán ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện (theo Biểu số 34/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán thu ngân sách nhà nước (theo Biểu số 35/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh và chi ngân sách huyện theo cơ cấu chi (theo Biểu số 36/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh theo từng lĩnh vực (theo Biểu số 37/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan, tổ chức (theo Biểu số 38/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực (theo Biểu số 39/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi thường xuyên của ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực (theo Biểu số 40/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương (theo Biểu số 41/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán thu, số bổ sung và dự toán chi cân đối ngân sách từng huyện (theo Biểu số 42/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách từng huyện (theo Biểu số 43/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện (theo Biểu số 44/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Danh mục các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước (theo Biểu số 45/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

b) Công khai thuyết minh dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh.

2. Công khai số liệu dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh đã được Hội đồng nhân dân quyết định:

- Cân đối ngân sách địa phương (theo Biểu số 46/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Cân đối nguồn thu, chi dự toán ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện (theo Biểu số 47/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán thu ngân sách nhà nước (theo Biểu số 48/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh và chi ngân sách huyện theo cơ cấu chi (theo Biểu số 49/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh theo từng lĩnh vực (theo Biểu số 50/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan, tổ chức (theo Biểu số 51/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực (theo Biểu số 52/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi thường xuyên của ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực (theo Biểu số 53/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương (theo Biểu số 54/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán thu, số bổ sung và dự toán chi cân đối ngân sách từng huyện (theo Biểu số 55/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách từng huyện (theo Biểu số 56/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện (theo Biểu số 57/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Danh mục các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước (theo Biểu số 58/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

3. Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý (06 tháng, năm) đã được báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, gồm:

a) Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý (06 tháng, năm):

- Cân đối ngân sách địa phương quý (06 tháng, năm) (theo Biểu số 59/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Ước thực hiện thu ngân sách nhà nước quý (06 tháng, năm) (theo Biểu số 60/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Ước thực hiện chi ngân sách địa phương quý (06 tháng, năm) (theo Biểu số 61/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

b) Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý (06 tháng, năm).

4. Công khai số liệu và thuyết minh quyết toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn, gồm:

a) Công khai số liệu quyết toán ngân sách địa phương:

- Cân đối ngân sách địa phương (theo Biểu số 62/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Quyết toán thu ngân sách nhà nước (theo Biểu số 63/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Quyết toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện theo cơ cấu chi (theo Biểu số 64/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh theo từng lĩnh vực (theo Biểu số 65/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh cho từng cơ quan, tổ chức (theo Biểu số 66/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Quyết toán chi bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách huyện (theo Biểu số 67/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Quyết toán chi chương trình mục tiêu quốc gia ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện (theo Biểu số 68/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

b) Công khai thuyết minh quyết toán ngân sách địa phương.

Điều 8. Trách nhiệm công khai

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện công khai hoặc giao Sở Tài chính thực hiện công khai các nội dung quy định tại Điều 7 của Thông tư này.

Đối với các nội dung công khai quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 7, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định công bố công khai ngân sách và các biểu mẫu theo quy định (theo Mẫu số 02/QĐ-CKNS ban hành kèm theo Thông tư này).

Điều 9. Hình thức công khai

Việc công khai các nội dung quy định tại Điều 7 được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 của Luật NSNN, trong đó có hình thức bắt buộc là công bố trên Cổng/Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và Cổng/Trang thông tin điện tử của Sở Tài chính.

Điều 10. Thời điểm công khai

1. Báo cáo dự toán ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phải được công khai chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

2. Báo cáo dự toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, quyết toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn phải được công khai chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày văn bản được ban hành.

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách địa phương hằng quý, 06 tháng phải được công khai chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng.

4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách địa phương hằng năm được công khai khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Chương IV

CÔNG KHAI NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

Điều 11. Nội dung công khai

1. Công khai chỉ tiêu, biểu mẫu, thuyết minh làm căn cứ trình Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định dự toán ngân sách huyện và phân bổ ngân sách cấp huyện, gồm:

a) Công khai số liệu dự toán ngân sách huyện và phân bổ ngân sách cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện:

- Cân đối ngân sách huyện (*theo Biểu số 69/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này*)

- Cân đối nguồn thu, chi dự toán ngân sách cấp huyện và ngân sách xã (*theo Biểu số 70/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này*)

- Dự toán thu ngân sách nhà nước (*theo Biểu số 71/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này*)

- Dự toán chi ngân sách huyện, chi ngân sách cấp huyện và chi ngân sách xã theo cơ cấu chi (*theo Biểu số 72/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này*)

- Dự toán chi ngân sách cấp huyện theo từng lĩnh vực (*theo Biểu số 73/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này*)

- Dự toán chi ngân sách cấp huyện cho từng cơ quan, tổ chức (*theo Biểu số 74/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này*)

- Dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp huyện cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực (*theo Biểu số 75/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này*)

- Dự toán chi thường xuyên của ngân sách cấp huyện cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực (theo Biểu số 76/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán thu, số bổ sung và dự toán chi cân đối ngân sách từng xã (theo Biểu số 77/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách từng xã (theo Biểu số 78/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia ngân sách cấp huyện và ngân sách xã (theo Biểu số 79/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Danh mục các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước (theo Biểu số 80/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

b) Công khai thuyết minh dự toán ngân sách huyện và phân bổ ngân sách cấp huyện.

2. Công khai số liệu dự toán ngân sách huyện và phân bổ ngân sách cấp huyện đã được Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định, gồm:

- Cân đối ngân sách huyện (theo Biểu số 81/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Cân đối nguồn thu, chi dự toán ngân sách cấp huyện và ngân sách xã (theo Biểu số 82/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán thu ngân sách nhà nước (theo Biểu số 83/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi ngân sách huyện, chi ngân sách cấp huyện và chi ngân sách xã theo cơ cấu chi (theo Biểu số 84/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi ngân sách cấp huyện theo từng lĩnh vực (theo Biểu số 85/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi ngân sách cấp huyện cho từng cơ quan, tổ chức (theo Biểu số 86/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp huyện cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực (theo Biểu số 87/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi thường xuyên của ngân sách cấp huyện cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực (theo Biểu số 88/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán thu, số bổ sung và dự toán chi cân đối ngân sách từng xã (theo Biểu số 89/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách từng xã (theo Biểu số 90/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia ngân sách cấp huyện và ngân sách xã (theo Biểu số 91/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Danh mục các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước (theo Biểu số 92/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

3. Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện quý (06 tháng, năm) đã được báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, gồm:

a) Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách huyện quý (06 tháng, năm):

- Cân đối ngân sách huyện quý (06 tháng, năm) (theo Biểu số 93/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Ước thực hiện thu ngân sách nhà nước quý (06 tháng, năm) (theo Biểu số 94/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Ước thực hiện chi ngân sách huyện quý (06 tháng, năm) (theo Biểu số 95/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

b) Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện quý (06 tháng, năm).

4. Công khai số liệu và thuyết minh quyết toán ngân sách huyện đã được Hội đồng nhân dân cấp huyện phê chuẩn, gồm:

a) Công khai số liệu quyết toán ngân sách huyện:

- Cân đối ngân sách huyện (theo Biểu số 96/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Quyết toán thu ngân sách nhà nước (theo Biểu số 97/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Quyết toán chi ngân sách huyện, chi ngân sách cấp huyện và chi ngân sách xã theo cơ cấu chi (theo Biểu số 98/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Quyết toán chi ngân sách cấp huyện theo từng lĩnh vực (theo Biểu số 99/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Quyết toán chi ngân sách cấp huyện cho từng cơ quan, tổ chức (theo Biểu số 100/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Quyết toán chi bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách từng xã (theo Biểu số 101/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Quyết toán chi chương trình mục tiêu quốc gia ngân sách cấp huyện và ngân sách xã (theo Biểu số 102/CK-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

b) Công khai thuyết minh quyết toán ngân sách huyện.

Điều 12. Trách nhiệm công khai

Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công khai hoặc giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thực hiện công khai các nội dung quy định tại Điều 11 của Thông tư này.

Đối với các nội dung công khai quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 11, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định công bố công khai ngân sách và các biểu mẫu theo quy định (*theo Mẫu số 03/QĐ-CKNS ban hành kèm theo Thông tư này*).

Điều 13. Hình thức công khai

Việc công khai các nội dung quy định tại Điều 11 được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 của Luật NSNN, trong đó có hình thức bắt buộc là công bố trên Cổng/Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện. Đối với những địa phương chưa có Cổng/Trang thông tin điện tử, hình thức công khai bắt buộc là thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân huyện ít nhất là 30 ngày.

Điều 14. Thời điểm công khai

1. Báo cáo dự toán ngân sách huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện phải được công khai chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện.

2. Báo cáo dự toán ngân sách huyện đã được Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định, quyết toán ngân sách huyện đã được Hội đồng nhân dân cấp huyện phê chuẩn phải được công khai chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày văn bản được ban hành.

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách cấp huyện hàng quý, 06 tháng phải được công khai chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng.

4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách cấp huyện hàng năm được công khai khi Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện.

Chương V

CÔNG KHAI NGÂN SÁCH XÃ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC Ở XÃ

Điều 15. Nội dung công khai

1. Công khai chỉ tiêu, biểu mẫu và thuyết minh làm căn cứ trình Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định dự toán ngân sách xã và kế hoạch hoạt động tài chính khác ở xã, gồm:

a) Công khai số liệu dự toán ngân sách xã và kế hoạch hoạt động tài chính khác ở xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã:

- Cân đối ngân sách xã (theo Biểu số 103/CK TC- NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán thu ngân sách xã (theo Biểu số 104/CK TC- NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi ngân sách xã (theo Biểu số 105/CK TC- NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi đầu tư phát triển (theo Biểu số 106/CK TC- NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Kế hoạch thu, chi các hoạt động tài chính khác (theo Biểu số 107/CK TC- NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

b) Công khai thuyết minh dự toán ngân sách xã và kế hoạch các hoạt động tài chính khác ở xã.

2. Công khai số liệu dự toán ngân sách xã và kế hoạch hoạt động tài chính khác ở xã đã được Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định, gồm:

- Cân đối ngân sách xã (theo Biểu số 108/CK TC- NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán thu ngân sách xã (theo Biểu số 109/CK TC- NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi ngân sách xã (theo Biểu số 110/CK TC- NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Dự toán chi đầu tư phát triển (theo Biểu số 111/CK TC- NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Kế hoạch thu, chi các hoạt động tài chính khác (theo Biểu số 112/CK TC- NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

3. Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý (06 tháng, năm), gồm:

a) Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã quý (06 tháng, năm):

- Cân đối ngân sách xã quý (06 tháng, năm) (theo Biểu số 113/CK TC- NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Ước thực hiện thu ngân sách xã quý (06 tháng, năm) (theo Biểu số 114/CK TC- NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Ước thực hiện chi ngân sách xã quý (06 tháng, năm) (theo Biểu số 115/CK TC- NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

b) Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý (06 tháng, năm).

4. Công khai quyết toán ngân sách xã và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác ở xã đã được Hội đồng nhân dân cấp xã phê chuẩn, gồm:

a) Công khai số liệu quyết toán ngân sách xã và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác ở xã:

- Cân đối ngân sách xã (theo Biểu số 116/CK TC- NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Quyết toán thu ngân sách xã (theo Biểu số 117/CK TC- NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Quyết toán chi ngân sách xã (theo Biểu số 118/CK TC- NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Quyết toán chi đầu tư phát triển (theo Biểu số 119/CK TC- NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

- Thực hiện thu, chi các hoạt động tài chính khác (theo Biểu số 120/CK TC- NSNN ban hành kèm theo Thông tư này)

b) Công khai thuyết minh quyết toán ngân sách xã và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác ở xã.

Điều 16. Trách nhiệm công khai

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công khai các nội dung quy định tại Điều 15 của Thông tư này.

Đối với các nội dung công khai quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 15, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định công bố công khai ngân sách và các biểu mẫu theo quy định (theo Mẫu số 04/QĐ-CKNS ban hành kèm theo Thông tư này).

Điều 17. Hình thức công khai

1. Việc công khai các nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 15 được thực hiện bằng các hình thức: niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã ít nhất trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày niêm yết; thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã (nếu xã có hệ thống truyền thanh).

2. Đối với các nội dung quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 15 được thực hiện bằng các hình thức: niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã ít nhất trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày niêm yết; thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã (nếu xã có hệ thống truyền thanh); thông báo bằng văn bản cho Đảng ủy, các tổ chức chính trị - xã hội ở xã và trưởng các thôn, làng, ấp, bản, buôn, sóc ở xã và tổ dân phố ở phường, thị trấn.

Điều 18. Thời gian công khai

1. Báo cáo dự toán ngân sách xã và kế hoạch thu, chi các hoạt động tài chính khác ở xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã phải được công khai chậm nhất

là 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã gửi đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

2. Báo cáo dự toán ngân sách xã và kế hoạch thu, chi các hoạt động tài chính khác ở xã đã được Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định, quyết toán ngân sách xã và kết quả thu, chi các hoạt động tài chính khác ở xã đã được Hội đồng nhân dân cấp xã phê chuẩn phải được công khai chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày văn bản được ban hành.

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách xã hằng quý, 06 tháng phải được công khai chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng.

4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách xã hằng năm được công khai khi Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã.

Chương VI

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ KIỂM TRA GIÁM SÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG KHAI NGÂN SÁCH

Điều 19. Chế độ báo cáo công khai

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm gửi cho Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện tài liệu, số liệu công khai dự toán, quyết toán ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác ở xã đã được Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định, phê chuẩn theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 15 của Thông tư này. Thời gian gửi cùng thời gian thực hiện công khai theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Thông tư này.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện có trách nhiệm:

a) Tổng hợp và công bố số liệu công khai dự toán, quyết toán ngân sách của các xã, các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê chuẩn theo các biểu mẫu công khai đối với ngân sách xã và các đơn vị dự toán ngân sách.

b) Tổng hợp và báo cáo tình hình công khai ngân sách của các xã, các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện (*theo Mẫu số 01/CKNS-BC ban hành kèm theo Thông tư này*).

c) Gửi Sở Tài chính:

- Tài liệu, số liệu công khai dự toán, quyết toán ngân sách huyện và ngân sách cấp huyện đã được Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định, phê chuẩn theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 11 của Thông tư này. Thời gian gửi cùng thời gian thực hiện công bố công khai theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Thông tư này.

- Báo cáo tổng hợp tình hình công khai ngân sách theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Thời gian gửi báo cáo trước ngày 31 tháng 3 (đối với công khai dự toán ngân sách năm hiện hành) và trước ngày 30 tháng 9 (đối với công khai quyết toán ngân sách năm trước).

3. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Tổng hợp và công bố số liệu công khai dự toán, quyết toán ngân sách của các huyện, các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê chuẩn theo các biểu mẫu công khai được quy định đối với ngân sách huyện và các đơn vị dự toán ngân sách.

b) Tổng hợp tình hình công khai ngân sách của các huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh (theo Mẫu số 02/CKNS-BC ban hành kèm theo Thông tư này).

c) Gửi Bộ Tài chính:

- Tài liệu, số liệu công khai dự toán, quyết toán ngân sách địa phương và ngân sách cấp tỉnh đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, phê chuẩn theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 7 của Thông tư này. Thời gian gửi cùng thời gian thực hiện công bố công khai theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Thông tư này.

- Báo cáo tổng hợp tình hình công khai ngân sách theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này. Thời gian gửi báo cáo trước ngày 31 tháng 5 (đối với công khai dự toán ngân sách năm hiện hành), trước ngày 31 tháng 3 (đối với công khai quyết toán ngân sách hai năm trước).

Tài liệu, số liệu, báo cáo gửi Bộ Tài chính được gửi 01 bản kèm theo files dữ liệu điện tử dưới dạng file excel hoặc truyền thư điện tử theo địa chỉ email: tkns@mof.gov.vn

4. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Tổng hợp và công bố số liệu công khai dự toán, quyết toán ngân sách của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê chuẩn.

b) Tổng hợp tình hình thực hiện công khai ngân sách của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương.

Điều 20. Kiểm tra và giám sát thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện công khai ngân sách của cấp dưới trực tiếp. Trong quá trình kiểm tra giám sát, nếu phát hiện có vi phạm thì phải xử lý kịp thời hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời theo đúng quy định của pháp luật.

2. Cơ quan tài chính các cấp có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện công khai ngân sách của cấp dưới trực tiếp theo quy định tại Thông tư này.

3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì tổ chức giám sát việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 52 của Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 02 năm 2017 và áp dụng từ năm ngân sách 2017.

2. Bãi bỏ Thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Tài chính, Cục Thuế, Cục Hải quan, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản (Văn phòng Chính phủ);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ NSNN (.....b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn